

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 18/4/2018

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Điêu Hoàng Tiếp**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thạch Ân**

2. Ông **Trần Quốc Tuấn**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lâm Thành Tú**, Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia
phiên tòa: Ông **Thạch Sấm Át** – Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu
Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLST-HNGĐ ngày 12
tháng 01 năm 2018 về việc Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Quyết định
hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: bà **Nguyễn Lê Kiều T**, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp R, xã N, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải
quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc B trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Lê Kiều T chung sống với nhau vào năm 2016, có
đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Nguyên nhân
mâu thuẫn là do trong quá trình tổ chức lễ cưới có một số mâu thuẫn nhỏ
nhưng cả hai được gia đình khuyên giải nên vẫn tiến hành làm lễ cưới vào
ngày 15/5/2016, nhưng trong ngày cưới ông B và bà T có cự cãi dẫn đến xô

xác, đánh nhau. Sau khi cưới được 3 ngày là ngày 18/5/2016 thì T tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp R, xã N, huyện Cầu Kè sống cho đến nay.

Nay xét thấy không còn tình cảm với nhau nên ông Nguyễn Ngọc B yêu cầu ly hôn với bà T.

Trong quá trình chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông B khai không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Lê Kiều T vắng mặt không có lý do, theo biên bản lấy lời khai bà Lê Kim C là mẹ ruột của Kiều T cho biết hiện nay T đang đi làm thuê ở xa, khi Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án ly hôn, bà nhận thay và có báo lại cho T biết, giữa T và B có mâu thuẫn gì thì bà không biết nhưng thấy vợ chồng T đã ly thân nhau, T đã về nhà bà sinh sống, bà Lê Kim C có nhận thông báo thụ lý cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án và có báo lại cho T biết. Mặc dù bà Kiều T đã được Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè triệu tập họp lệ đến Tòa án lần thứ hai mà bà vẫn vắng mặt cho thấy bà T không có ý thức tuân thủ pháp luật, nên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt nên không thực hiện đúng quy định pháp luật.

+Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông B, cho ông B ly hôn với bà T; về con chung, về tài sản chung, về nợ chung không có nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Nguyễn Ngọc B có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh giải quyết việc hôn nhân của ông và bà Nguyễn Lê Kiều T địa chỉ: ấp Rạch Đùi, xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

[2] Bà Nguyễn Lê Kiều T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định

tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử vắng mặt bà T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Ngọc B và bà Nguyễn Lê Kiều T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, trước, trong và sau ngày cưới có bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi, xô xát và sau khi cưới nhau được 3 ngày thì ly thân và hai người không còn chung sống với nhau từ ngày 18/5/2016 cho đến nay. Theo lời trình bày của bà Lê Kim C là mẹ ruột của T thì không biết T và B mâu thuẫn thế nào nhưng hiện nay T bỏ đi làm thuê ở xa, bà Lê Kim C có nhận thông báo thụ lý cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án và có báo lại cho T biết nhưng T không về nhà, không đến Tòa án để giải quyết việc hôn nhân của mình với ông B. Việc bà T cố tình không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông B cho thấy bà T không có thiện chí đoàn tụ lại với ông B. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông B và bà T là có thật, hai người chỉ sống với nhau được 3 ngày và hiện nay không còn chung sống với nhau nữa chứng minh cuộc sống vợ chồng đã xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên ông B yêu cầu ly hôn với bà T là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về con chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: ông B khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là đúng và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; 147; Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc B;

Cho ông Nguyễn Ngọc B được ly hôn với bà Nguyễn Lê Kiều T;

Về con chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: ông Nguyễn Ngọc B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: ông Nguyễn Ngọc B khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: ông Nguyễn Ngọc B phải chịu nộp số tiền là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0014836 ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Kè. Ông Nguyễn Ngọc B đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Nguyễn Lê Kiều T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- UBND xã T, h. Tiểu Cần
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điêu Hoàng Tiếp